

DỰ THẢO

THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ

Căn cứ Bộ Luật Lao Động của nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành năm 2012 đã được Quốc Hội khoá XIII kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012 và có hiệu lực thi hành từ 01/05/2013;

Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ và có hiệu lực thi hành từ 01/3/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành từ 08/8/2015;

Căn cứ Thông tư số 29/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, có hiệu lực thi hành từ 15/9/2015;

Căn cứ Quyết định số 4242/QĐ – UBND ngày 26/8/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An thành công ty cổ phần;

Căn cứ sự thoả thuận giữa hai bên người sử dụng lao động và tập thể người lao động sau khi lấy ý kiến của tập thể người lao động trong Công ty;

Để đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ hợp pháp của mỗi bên,

Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Người sử dụng lao động:

- Ông : **HOÀNG THẾ BẢO**
- Chức vụ : Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Trung An.

2. Đại diện Tập thể Người lao động:

- Ông : **ĐẶNG MINH HÙNG**
- Chức vụ: Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần cấp nước Trung An.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật và cùng thoả thuận ký kết Thỏa ước lao động tập thể (gọi tắt là Thỏa ước) gồm 03 chương và 23 điều sau đây:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Bản Thỏa ước lao động tập thể này (gọi tắt là Thỏa ước) quy định mối quan hệ lao động giữa Người sử dụng lao động với tập thể người lao động về

quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi bên trong thời hạn Thỏa ước có hiệu lực.

2. Mọi trường hợp, vấn đề phát sinh liên quan đến quan hệ lao động không được quy định trong Thỏa ước này, sẽ được giải quyết theo các văn bản pháp luật về lao động hiện hành.

3. Thỏa ước này công nhận hiệu lực thi hành của các Nội quy lao động, Quy chế và Quy định... được lãnh đạo Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (cụ thể là Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc) ban hành để áp dụng đối với Người lao động làm việc tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (gọi tắt là Công ty). Trường hợp có sự khác biệt, mâu thuẫn giữa Thỏa ước với Nội quy, Quy chế, Quy định... nêu trên thì áp dụng theo Thỏa ước này.

4. Thỏa ước lao động tập thể này bao gồm cả các phần đính kèm, phụ lục sửa đổi, bổ sung được ký trong suốt thời gian còn hiệu lực theo quy định tại Điều 3 dưới đây.

Điều 2. Đối tượng thi hành

Thỏa ước này được áp dụng cho Người sử dụng lao động và toàn thể Người lao động làm việc tại Công ty.

Trong Thỏa ước này, Người sử dụng lao động là Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An, Tập thể người lao động là toàn thể những người lao động làm việc tại tất cả phòng-ban-đội trực thuộc Công ty không phân biệt chức vụ, công việc, thời hạn của hợp đồng lao động.

Điều 3. Thời hạn Thỏa ước

1. Bản Thỏa ước này có hiệu lực trong thời hạn 03 năm (36 tháng) kể từ ngày ký, và thay thế cho các Bản Thỏa ước đã ký trước đó. Sau 06 tháng kể từ ngày có hiệu lực, Thỏa ước có thể được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty hoặc các thay đổi về quy định pháp luật, chính sách của nhà nước có liên quan. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, trong vòng 10 ngày, hai bên phải thỏa thuận xong và gửi thông báo với Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tp.HCM.

2. Khi Thỏa ước hết thời hạn quy định, các bên tiến hành thương lượng để thống nhất ký kết Thỏa ước mới hoặc sửa đổi, bổ sung và gia hạn Thỏa ước này, đồng thời tiến hành đăng ký lại với Sở Lao động Thương binh và Xã hội để tiếp tục thực hiện.

3. Sau 60 ngày kể từ ngày Thỏa ước hết hiệu lực, nếu các bên vẫn không thống nhất thỏa thuận việc tái ký thì Thỏa ước đương nhiên hết hiệu lực. Trong trường hợp này và tại thời điểm đó cho đến khi ký Thỏa ước mới, mọi vấn đề liên quan đến quan hệ lao động giữa Người sử dụng lao động và Người lao động sẽ được áp dụng các quy định pháp luật về lao động hiện hành để giải quyết.

4. Trong thời gian chờ đợi quyết định thừa nhận của Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các điều khoản của Thỏa ước lao động này không trái với quy định của Nhà nước vẫn có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Cam kết của Người sử dụng lao động bảo đảm quyền hoạt động của các tổ chức đoàn thể.

1. Người sử dụng lao động bảo đảm quyền tự do tham gia hoạt động các tổ chức, đoàn thể (được Nhà nước thừa nhận) của Người lao động theo đúng quy định pháp luật liên quan, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Chủ tịch Công đoàn là người đại diện và bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của Tập thể người lao động. Vì vậy, Người sử dụng lao động phải tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để Chủ tịch Công đoàn thực hiện trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại Thỏa ước này, cũng như các quy chế, quy định của Công ty, quy định pháp luật có liên quan đến quan hệ lao động được áp dụng tại Công ty.

Điều 5. Cam kết của Người lao động về việc chấp hành Nội quy lao động của Công ty.

1. Người lao động có trách nhiệm chấp hành đúng các nội dung quy định trong Hợp đồng lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể;

2. Thực hiện đúng quy trình giải quyết công việc, đặc biệt là các quy trình về an toàn, vệ sinh lao động trong Công ty.

3. Có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức kỷ luật lao động, hạn chế đến mức thấp nhất việc làm hư hỏng máy móc, tài sản của Công ty.

4. Phối hợp cùng công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất- kinh doanh, thực hành tiết kiệm, đảm bảo tiến độ công việc.

5. Không tham gia đình công, tranh chấp lao động tập thể trái quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG THỎA ƯỚC LAO ĐỘNG TẬP THỂ

VIỆC LÀM VÀ BẢO ĐẢM VIỆC LÀM

Điều 6. Việc làm và đảm bảo việc làm.

1. Người sử dụng lao động đảm bảo việc làm cho người lao động trong suốt thời gian có hiệu lực của hợp đồng.

2. Thời gian nghỉ chờ việc do thiếu đơn hàng hay do lý do khách quan khác như điện nước thì Người lao động được trả 100% tiền lương theo hợp đồng lao động, nhưng không được thấp hơn lương tối thiểu vùng do nhà nước qui định.

3. Người sử dụng lao động sẽ hỗ trợ 100% học phí khi Người lao động tham gia các khoá học nghề do Công ty yêu cầu và cam kết làm việc tại Công ty sau khi học nghề từ 02 năm trở lên.

4. Người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không bị xử lý kỷ luật lao động sẽ được tái ký HĐLĐ khi hết hạn hợp đồng.

5. Người lao động tham gia đình công trái pháp luật sẽ không được tái ký khi hết hạn HĐLĐ.

Lưu ý: Công ty được ký HĐLĐ với người lao động đã nghỉ hưu làm lao động thời vụ, hoặc có thời hạn dưới 03 tháng thì khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền tàu xe, nghỉ phép (nếu có) đã được tính gộp vào tiền lương, tiền công của Người lao động. Người sử dụng lao động có thể ký kết nhiều lần HĐLĐ có thời hạn dưới 12 tháng đối với Người lao động đã nghỉ hưu trong trường hợp Người sử dụng có nhu cầu và Người lao động chấp thuận.

Điều 7. Các chế độ trợ cấp thôi việc, mất việc.

1. Trợ cấp thôi việc:

Đối với các trường hợp chấm dứt HĐLĐ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10 của Điều 36 Bộ luật Lao động, Người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho Người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian Người lao động đã làm việc thực tế (kể cả thời gian thử việc) cho Người sử dụng lao động trừ đi thời gian Người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và thời gian làm việc đã được Người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc do chấm dứt HĐLĐ trước đó (nếu có).

Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo HĐLĐ của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc.

2. Trợ cấp mất việc:

Người sử dụng lao động trả trợ cấp mất việc làm cho Người lao động đã làm việc thường xuyên cho mình từ 12 tháng trở lên mà bị mất việc làm theo quy định tại Điều 44 và Điều 45 của Bộ luật Lao động, mỗi năm làm việc trả 01 tháng tiền lương nhưng ít nhất phải bằng 02 tháng tiền lương tại Điều 49 của Bộ Luật Lao động.

Thời gian làm việc để tính trợ cấp mất việc làm là tổng thời gian Người lao động đã làm việc thực tế cho Người sử dụng lao động trừ đi thời gian Người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và thời gian làm việc đã được Người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc do chấm dứt các HĐLĐ trước đó (nếu có).

Tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm là tiền lương bình quân theo HĐLĐ của 06 tháng liền kề trước khi Người lao động mất việc làm.

Điều 8. Những ưu tiên dành cho Người lao động khi tuyển dụng hoặc ký lại HĐLĐ

Khi Công ty có nhu cầu về tuyển dụng lao động, Công ty công khai tiêu chuẩn tuyển dụng và ưu tiên xem xét hồ sơ ứng viên là thân nhân (*vợ, chồng, con*) của Người lao động có quá trình công tác tốt, làm việc lâu năm trong Công ty. Việc tuyển dụng các ứng viên nêu trên với điều kiện: ứng viên phải đạt các tiêu chuẩn chức danh tuyển dụng và đạt kết quả trong kỳ thi tuyển dụng đầu vào.

Điều 9. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

1. Công ty thực hiện thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi theo quy định tại Nội quy lao động đăng ký theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài những ngày nghỉ việc riêng, hưởng nguyên lương theo quy định của pháp luật, người lao động còn được nghỉ việc riêng hưởng nguyên lương trong trường hợp sau:

a) Ông bà, anh chị em ruột mất; bố hoặc mẹ, anh, chị, em ruột kết hôn: nghỉ 01 ngày.

b) Vợ sinh con: Chồng được nghỉ theo quy định của Luật BHXH.

(Người lao động phải nộp cho công ty các giấy tờ hợp lệ: Giấy chứng sinh).

Điều 10. Tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp lương

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng định mức lao động, gửi Thang lương, bảng lương cho Cơ quan quản lý lao động theo quy định. Quy chế trả lương, trả thưởng được tập thể lao động và Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở góp ý và công khai cho Người lao động tại công ty biết.

Căn cứ vào Quỹ tiền lương thực hiện hàng năm và tình hình chi trả lương thực tế, Công ty xem xét trích Quỹ tiền lương để chi bổ sung lương cho Người lao động làm việc đủ 12 tháng. Người lao động làm việc chưa đủ 12 tháng sẽ tính tỷ lệ tương ứng theo số tháng thực tế làm việc. Điều kiện, mức thưởng sẽ căn cứ vào Quy chế trả thưởng của công ty.

Việc chi bổ sung lương chỉ được áp dụng cho Người lao động có mặt tại thời điểm xem xét chi bổ sung lương (bao gồm người lao động nghỉ hưởng BHXH) **và người lao động nghỉ hưu trong năm xét chi bổ sung lương**. Bổ sung lương không áp dụng đối với những trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, sa thải.

* Đối với CNVC-NLĐ đã có thông báo nghỉ hưu trong năm, nếu chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch lương, đồng thời trong thời gian giữ bậc lương đạt các tiêu chuẩn sau thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn 6 tháng so với thời gian quy định:

- Được cấp có thẩm quyền đánh giá đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Không vi phạm kỷ luật lao động từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Tiền thưởng: Công ty có trách nhiệm xây dựng Quy chế trả thưởng quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn xét thưởng cho Người lao động.

Công ty áp dụng các hình thức khen thưởng sau:

- Thưởng theo kết quả bình xét thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm;
- Thưởng các danh hiệu thi đua theo kết quả bình xét cuối năm như: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp thành phố, Giấy khen, Bằng khen...
- Thưởng do Người lao động có thành tích được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen, Huân chương lao động và các danh hiệu khác...
- Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất;
- Thưởng khi Người lao động đạt thành tích trong phong trào thi đua do Công ty phát động hay có thành tích đột xuất trong sản xuất kinh doanh;

Hàng năm, Người sử dụng lao động phối hợp với đại diện tập thể người lao động xem xét khen thưởng cho Người lao động với mức thưởng tùy thuộc vào tình hình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Nguồn và mức khen thưởng: Người sử dụng lao động phối hợp với đại diện tập thể người lao động xem xét, cân đối từ Quỹ khen thưởng và các Quỹ khác theo luật định.

Điều 11. Công tác đào tạo

1. Công ty coi trọng công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, văn hóa, ngoại ngữ, tin học cho Người lao động nhằm phục vụ thiết thực có hiệu quả cao cho công ty.

2. Trong chiến lược phát triển công ty, từng giai đoạn, vào thời điểm thích hợp, Công ty sẽ đào tạo hoặc cử Người lao động đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ tay nghề cho phù hợp với yêu cầu công việc thực tế. Tổ chức cho Người lao động làm công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật đi học tập kinh nghiệm ở các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

3. Công ty khuyến khích, tạo điều kiện cho Người lao động tự học hỏi nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ, trình độ chuyên môn để phục vụ công việc tốt hơn.

4. Về thi nâng bậc, tay nghề, Công ty tạo điều kiện cho công nhân có tay nghề cao, nhiều kinh nghiệm nhưng do trình độ học vấn thấp, không đủ điều kiện dự thi theo quy định được thi tay nghề hàng năm (*ưu tiên cho các công nhân lớn tuổi từ 45 tuổi trở lên, có quá trình làm việc tốt và có đánh giá nhận xét từ trưởng bộ phận*).

Điều 12. Phúc lợi

- | | | |
|----------------------------------|---|--------------------|
| 1. Quà Thiếu nhi 1/6 | : | 200.000 đồng/cháu |
| 2. Quà mừng lao động nữ sinh con | : | 500.000 đồng/người |

3. Quà mừng Người lao động kết hôn : 500.000 đồng/người

4. Trợ cấp khó khăn: như tang chế tử thân phụ mẫu, vợ, chồng, con của Người lao động, thăm bệnh nằm viện: 500.000 đồng/lần, trong năm 2 lần (*ngoại trừ phẫu thuật thẩm mỹ*), trên cơ sở hồ sơ bệnh viện.

5. CNVC-NLĐ tử tuất : 10.000.000 đồng/người

Điều 13. An toàn lao động, vệ sinh lao động

+ Người sử dụng lao động có nghĩa vụ:

1. Xây dựng nội quy, quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định của Nhà nước.

2. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về an toàn lao động, vệ sinh lao động đối với Người lao động theo quy định của Nhà nước.

3. Cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động. Phối hợp với tổ chức Công đoàn xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới An toàn viên, vệ sinh viên.

4. Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn quy định, biện pháp an toàn lao động đối với Người lao động.

5. Mỗi Người lao động làm việc tại Công ty từ 01 năm trở lên sẽ được trang bị quần áo bảo hộ lao động hoặc đồng phục văn phòng như sau:

a) Đối với chức danh công nhân kỹ thuật: được trang bị quần áo BHLĐ theo danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân do Công ty ban hành, tổng giá trị là 05 triệu đồng một năm.

b) Đối với các chức danh còn lại: Người lao động sẽ được trang bị đồng phục văn phòng, tổng giá trị là 05 triệu đồng một năm.

c) Trường hợp Người lao động có thời gian làm việc chưa đủ 12 tháng thì được tính theo tỉ lệ tương ứng với thời gian làm việc để trang bị quần áo bảo hộ lao động hoặc đồng phục văn phòng.

Tùy theo tình hình hoạt động hiệu quả sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty sẽ hỗ trợ thêm tiền đồng phục mỗi năm cho Người lao động (nếu có).

Trường hợp chi phí trang cấp quần áo bảo hộ lao động, đồng phục công sở có giá trị nhỏ hơn 05 triệu đồng, Công ty sẽ chi trả phần chênh lệch còn lại cho Người lao động.

6. Bồi dưỡng bằng hiện vật (đường, sữa) cho Người lao động làm việc trong điều kiện, môi trường có yếu tố độc hại.

+ Người lao động có nghĩa vụ:

1. Chấp hành các quy định, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động có liên quan đến công việc được giao.

2. Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị an toàn lao động, vệ sinh lao động nơi làm việc. Nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng thì phải bồi thường; trường hợp chưa được trang bị

phương tiện bảo vệ cá nhân, trang bị BHLĐ phải báo cáo Người sử dụng lao động để trang cấp.

3. Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động.

Điều 14. Tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp

1. Người sử dụng lao động phải mua bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp cho Người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành và Người lao động được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và pháp luật về bảo hiểm y tế.

2. Trong thời gian Người lao động nghỉ việc được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, Người sử dụng lao động không phải trả lương cho người lao động.

3. Đối với Người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp thì ngoài việc trả lương theo công việc, Người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương của Người lao động một khoản tiền cho Người lao động tương đương với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp và tiền nghỉ phép hằng năm theo quy định.

Điều 15. Tham gia bảo hiểm nhân thọ cho Người lao động

Người sử dụng lao động mua bảo hiểm nhân thọ cho Người lao động khi được giao kết HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên, HĐLĐ không xác định thời hạn. Mức phí bảo hiểm được thống nhất giữa Người sử dụng lao động với tổ chức đại diện tập thể người lao động, cụ thể:

+ Mức phí bảo hiểm nhân thọ: 1.000.0000 đồng/người/tháng.

+ Thời gian đóng phí bảo hiểm: 15 năm.

Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho Người lao động được lấy từ chi phí hoạt động sản xuất-kinh doanh của Công ty và được quyết toán theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan. Việc mua bảo hiểm nhân thọ không áp dụng đối với các trường hợp: *Người lao động ký hợp đồng lao động thời vụ, có thời hạn dưới 12 tháng.*

Khi Người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc, Người sử dụng lao động sẽ không tiếp tục đóng phí bảo hiểm nhân thọ, khi đó Người lao động sẽ tự đóng phí bảo hiểm nhân thọ cho thời gian còn lại theo Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hoặc thanh lý hợp đồng bảo hiểm nhân thọ đã ký.

1. Người sử dụng lao động mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho Người lao động khi được giao kết HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng trở lên, HĐLĐ không xác định thời hạn. Mức phí bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ được thống nhất giữa Người sử dụng lao động với tổ chức đại diện tập thể người lao động. Chi

phí mua bảo hiểm tai nạn 24/24 giờ cho Người lao động được lấy từ quỹ phúc lợi của Công ty và được quyết toán theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Căn cứ vào hiệu quả hoạt động sản xuất-kinh doanh, Người sử dụng lao động có thể xem xét và trao đổi thống nhất với tổ chức đại diện tập thể người lao động về việc mua các loại hình dịch vụ bảo hiểm khác cho Người lao động.

Điều 16. Nguyên tắc sử dụng lợi nhuận của công ty

1. Lợi nhuận và sử dụng lợi nhuận của công ty được thực hiện theo Điều 39 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (ban hành kèm theo Quyết định số 017/QĐ-TA-HĐQT ngày 10/5/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An);

2. Nguyên tắc sử dụng các quỹ được phân chia theo lợi nhuận:

2.1. Quỹ đầu tư phát triển: được dùng để:

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty;
- b) Đầu tư hình thành tài sản của công ty.

2.2. Quỹ dự phòng tài chính:

a) Bù đắp tổn thất, thiệt hại về tài sản công nợ khó đòi được xảy ra trong quá trình sản xuất-kinh doanh;

b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên công ty hoặc Chủ sở hữu.

2.3. Quỹ khen thưởng, được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi Người lao động; mức thưởng do Giám đốc công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch Công đoàn công ty;

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong công ty có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, mang lại hiệu quả kinh doanh; mức thưởng do Giám đốc quyết định;

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài công ty có mối quan hệ hợp đồng kinh tế đã hoàn thành tốt các điều kiện của hợp đồng, có đóng góp nhiều cho hoạt động sản xuất-kinh doanh, công tác quản lý của công ty; mức thưởng do Giám đốc quyết định.

2.4. Quỹ phúc lợi:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể người lao động trong công ty, phúc lợi xã hội;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Ngoài ra, có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những Người lao động kể cả những trường hợp về hưu, mất sức lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác xã hội.

Việc sử dụng Quỹ phúc lợi do Giám đốc công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch Công đoàn công ty.

2.5. Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành: được sử dụng để thưởng cho Hội đồng thành viên, Viên chức quản lý công ty; mức thưởng do chủ sở hữu quyết định gắn với kết quả hoạt động sản xuất-kinh doanh của công ty trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên công ty.

Việc phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế dân chủ ở cơ sở và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 17. Hoạt động công đoàn

1. Công đoàn cơ sở phải xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm gửi Giám đốc để phối hợp thực hiện. Trường hợp có kế hoạch đột xuất phải thông báo bằng văn bản cho Người sử dụng lao động biết trước ít nhất 3 ngày.

2. Mỗi đầu tuần, Người sử dụng lao động bố trí thời gian triển khai kế hoạch sản xuất, đồng thời triển khai các nội dung tuyên truyền, giáo dục cần thiết cho Người lao động.

3. Khi Công đoàn cơ sở kiến nghị những yêu cầu của tập thể lao động tại công ty, Người sử dụng lao động có trách nhiệm phối hợp với Công đoàn xem xét và trả lời kiến nghị trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận kiến nghị.

4. Người sử dụng lao động tạo điều kiện thuận lợi cho BCH Công đoàn cơ sở trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật lao động và pháp luật công đoàn.

5. Định kỳ hàng quý, năm, Công đoàn cơ sở phối hợp cùng Người sử dụng lao động tổ chức họp mặt đối thoại giữa Người sử dụng lao động và Người lao động theo quy chế đối thoại và hội nghị Người lao động tại Công ty nhằm trao đổi thông tin, lắng nghe ý kiến của các bên nhằm xây dựng quan hệ lao động tại đơn vị hài hòa, ổn định và tiến bộ.

6. Người sử dụng lao động phối hợp cùng Công đoàn cơ sở tổ chức các phong trào thi đua; hỗ trợ 100% chi phí để Công đoàn cơ sở tổ chức và khen thưởng các phong trào thi đua.

Điều 18. Một số thoả thuận khác

1. Mỗi năm, Giám đốc công ty phối hợp cùng Công đoàn cơ sở tổ chức cho Người lao động tham quan du lịch một lần. Kinh phí tổ chức được công ty hạch toán vào chi phí sản xuất – kinh doanh.

2. Trường hợp Người lao động xin đơn phương chấm dứt HĐLĐ với lý do chính đáng và thực hiện trách nhiệm báo trước theo quy định của pháp luật, người phụ trách trực tiếp có trách nhiệm nhận đơn và gửi người có thẩm quyền. Nếu người phụ trách không nhận đơn, Người lao động có quyền gửi trực tiếp ở phòng Tổ chức Hành chính của Công ty hoặc nhờ Công đoàn cơ sở xác nhận và chuyển đơn. Trường hợp này Người lao động có quyền nghỉ việc khi hết thời hạn báo trước.

3. Người lao động tham gia đình công trái luật sẽ không được trả lương các ngày (giờ) đình công theo đúng qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Đối thoại tại nơi làm việc

1. Đối thoại tại nơi làm việc nhằm chia sẻ thông tin, tăng cường sự hiểu biết giữa người sử dụng lao động và người lao động để xây dựng quan hệ lao động tại nơi làm việc.

2. Đối thoại tại nơi làm việc được thực hiện thông qua việc trao đổi trực tiếp giữa người lao động và người sử dụng lao động hoặc giữa đại diện tập thể lao động với người sử dụng lao động, bảo đảm việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

3. Người sử dụng lao động, người lao động có nghĩa vụ thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc theo quy định của Chính phủ.

4. Hình thức, nội dung đối thoại được quy định tại Quy chế đối thoại do Công ty ban hành.

Điều 20. Thương lượng tập thể

1. Thương lượng tập thể là việc tập thể lao động thảo luận, đàm phán với Người sử dụng lao động nhằm mục đích sau đây:

- a) Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ;
- b) Xác lập các điều kiện lao động mới làm căn cứ để tiến hành ký kết thoả ước lao động tập thể;
- c) Giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

2. Nguyên tắc, quyền yêu cầu, nội dung, quy trình thương lượng tập thể được thực hiện theo đúng các Điều 67, 68, 69, 70, 71, 72 của Bộ luật Lao động.

Điều 21. Giải quyết tranh chấp lao động

Giải quyết tranh chấp lao động thực hiện theo đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Lao động và các văn bản pháp quy hiện hành liên quan.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Trách nhiệm thi hành Thỏa ước lao động

1. Trách nhiệm của Người sử dụng lao động:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định thỏa thuận trong Thỏa ước lao động tập thể;
- Đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường làm việc và bảo vệ sức khỏe cho Người lao động;
- Tạo điều kiện thuận lợi để Người lao động nâng cao trình độ, hoàn thành công việc được giao.

2. Trách nhiệm của Người lao động:

- Thực hiện đúng những điều khoản đã ký kết trong Thỏa ước lao động tập thể, trong hợp đồng lao động cá nhân và nội quy của Công ty ban hành;
- Phấn đấu không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật để hoàn thành tốt công việc được giao.

3. Trách nhiệm của Ban Chấp hành Công đoàn:

- Cụ thể hóa nội dung, biện pháp và trao đổi thống nhất với Người sử dụng lao động để tổ chức thực hiện;
- Thường trực theo dõi tình hình thực hiện nội dung Thỏa ước lao động, kịp thời trao đổi thỏa thuận với Giám đốc Công ty những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện thỏa ước;
- Thường xuyên thông tin kết quả tình hình thực hiện thỏa ước và vận động, giáo dục người lao động thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã ghi trong thỏa ước;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thỏa ước với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Tp.HCM.

Điều 23. Thực hiện Thỏa ước lao động tập thể

1. Người sử dụng lao động, Người lao động, kể cả người lao động vào làm việc sau ngày Thỏa ước lao động tập thể có hiệu lực có trách nhiệm thực hiện đầy đủ Thỏa ước lao động tập thể. Bản Thỏa ước lao động tập thể này là cơ sở để giải quyết các quan hệ lao động phát sinh trong Công ty.

2. Thỏa ước lao động tập thể phải làm thành 05 bản, trong đó:

- a) Mỗi bên ký kết giữ 01 bản;
- b) 01 bản gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội Tp.HCM
- c) 01 bản gửi Công đoàn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV và 01 bản gửi tổ chức đại diện người sử dụng lao động mà người sử dụng lao động là thành viên.

Thỏa ước lao động tập thể này được ký kết ngày / / 2017 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

**TM. BCH CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ
CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**

**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
GIÁM ĐỐC**

Đặng Minh Hùng

Hoàng Thế Bảo